

Số: *17* /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nội dung của Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định rõ các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm về bảo tồn và phát triển làng nghề đến năm 2030 để triển khai thực hiện.

2. Yêu cầu

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cần quán triệt và phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện; xác định phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần nâng cao thu nhập, xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động bố trí từ ngân sách địa phương và chỉ đạo tốt công tác lồng ghép nguồn lực từ các chương trình dự án khác trên địa bàn để thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển vào nông nghiệp, nông thôn.

c) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành và địa phương trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành nghề nông thôn nhằm phát huy tiềm năng của khu vực nông thôn, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập, tạo công ăn

việc làm và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; góp phần bảo vệ môi trường, tôn tạo, giữ gìn cảnh quan, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển kinh tế nông thôn gắn với mục tiêu nông nghiệp sinh thái, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành nghề nông thôn đạt khoảng 6,0 - 7,0%/năm.

b) Thu nhập bình quân lao động trong các hoạt động ngành nghề nông thôn gấp 2,5-3 lần so với năm 2020.

c) Thu hút được trên 20.000 lao động thường xuyên trong các hoạt động ngành nghề nông thôn;

d) Giá trị xuất khẩu các mặt hàng ngành nghề nông thôn đạt trên 30.000 tỷ VNĐ/năm.

đ) Tỷ lệ lao động qua đào tạo ở khu vực nông thôn đạt 85% và tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ ở khu vực nông thôn đạt 35%.

e) Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định đáp ứng trên 70% nhu cầu phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

a) Ngành nghề nông thôn tiếp tục là hoạt động mang lại thu nhập, tạo việc làm cho lao động ở nông thôn, góp phần vào tăng trưởng chung của nền kinh tế tỉnh Đồng Nai.

b) Phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng phát triển bền vững, thông minh, thân thiện với môi trường, gắn với xây dựng không gian nông thôn xanh, sạch, đẹp; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử và truyền thống của vùng, miền.

III. NHIỆM VỤ-GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách

a) Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển ngành nghề nông thôn, trong đó tập trung các chính sách về: Đất đai, đầu tư, bảo hiểm, tín dụng, tổ chức sản xuất, xúc tiến thương mại.

b) Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào ngành nghề nông thôn; ưu tiên thu hút đầu tư phát triển dịch vụ, cơ sở hạ tầng và các công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

c) Nghiên cứu xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm đẩy mạnh phân cấp, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường phân cấp đi đôi với giám sát, kiểm tra.

2. Tổ chức lại sản xuất và hình thành các trung tâm sáng tạo

a) Tăng cường mô hình liên kết giữa doanh nghiệp-hợp tác xã-người dân, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt, hợp tác xã là trung gian giữa doanh nghiệp và người dân.

b) Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hiệp hội xây dựng các trung tâm sáng tạo, chương trình khởi nghiệp của hoạt động ngành nghề nông thôn.

c) Ứng dụng máy móc, thiết bị công nghệ và hỗ trợ cải tạo, nâng cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

d) Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề.

đ) Đầu tư cụm công nghiệp làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện của địa phương; chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ trong các làng nghề.

3. Bảo vệ môi trường gắn với phát triển du lịch nông thôn

a) Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, làng nghề truyền thống; kiên quyết di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào các cụm công nghiệp.

b) Khuyến khích sử dụng nguyên liệu tái tạo, thân thiện môi trường và tận dụng các phế phụ phẩm của nguyên liệu làm đầu vào cho các sản phẩm khác.

c) Xây dựng mô hình phát triển du lịch làng nghề, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái mang tính đặc trưng vùng, miền.

d) Tổ chức lễ hội truyền thống, hội thi quảng bá, giới thiệu những nét đặc sắc văn hóa của sản phẩm làng nghề; tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi làm cơ sở xem xét phong tặng, công nhận nghệ nhân.

4. Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung

a) Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn, có chứng chỉ bền vững, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng trong vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất, khai thác, sơ chế, chế biến; nghiên cứu, chọn tạo, công nhận chuyển giao các loại giống mới, năng suất cao, đảm bảo chất lượng.

5. Phát triển nguồn nhân lực

a) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

b) Đào tạo nâng cao tay nghề; bổ sung các kiến thức về khoa học công nghệ, quy trình sản xuất, công nghệ thông tin, thiết kế, đổi mới mẫu mã sản phẩm cho người lao động. Ưu tiên đào tạo lao động tại doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, vùng nguyên liệu tập trung, cụm công nghiệp.

c) Xây dựng mô hình liên kết đào tạo giữa các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất giữa các vùng miền trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

d) Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang các hoạt động ngành nghề nông thôn.

6. Phát triển thị trường và hội nhập quốc tế

a) Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất đưa các sản phẩm lên hệ thống phân phối, trung tâm thương mại, siêu thị, điểm du lịch, kênh thương mại điện tử.

b) Xây dựng hệ thống thông tin, nâng cao năng lực dự báo thị trường sản phẩm ngành nghề nông thôn; hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất gắn với các chương trình xúc tiến thương mại.

c) Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ về thiết kế mẫu mã, chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm.

7. Nâng cao vai trò các Hiệp hội ngành nghề nông thôn

a) Phát huy vai trò các Hiệp hội nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan chức năng trong đàm phán, mở cửa thị trường; giải quyết và tháo gỡ hàng rào kỹ thuật, các tranh chấp pháp lý quốc tế.

b) Nâng cao vị thế, vai trò của Hiệp hội trong tiếp nhận, triển khai, phản biện, xây dựng và thực thi chính sách của Nhà nước.

8. Truyền thông và nâng cao nhận thức

a) Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của phát triển ngành nghề nông thôn trong phát triển kinh tế-xã hội.

b) Đa dạng hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội cho cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí lồng ghép từ Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn ngân sách địa phương, các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án liên quan; các nguồn vốn tài trợ, viện trợ, nguồn vốn hợp pháp khác từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức xét công nhận danh hiệu “Làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống” khi đạt các tiêu chí và các quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ.

c) Chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê Đồng Nai, các sở ngành liên quan, các địa phương tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch và tổ chức điều tra thống kê số lượng, tình hình phát triển của các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh 05 năm/lần.

d) Tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện mô hình liên kết giữa doanh nghiệp-hợp tác xã-người dân, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt, hợp tác xã là trung gian giữa doanh nghiệp và người dân.

đ) Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn, có chứng chỉ bền vững, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu.

e) Phối hợp các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng trong vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất, khai thác, sơ chế, chế biến; nghiên cứu, chọn tạo, công nhận chuyển giao các loại giống mới, năng suất cao, đảm bảo chất lượng. Ứng dụng máy móc, thiết bị công nghệ và hỗ trợ cải tạo, nâng cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan xây dựng hệ thống thông tin, nâng cao năng lực dự báo thị trường sản phẩm ngành nghề nông thôn; hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất gắn với các chương trình xúc tiến thương mại.

h) Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm nghề nghiệp cho các nghệ nhân, thợ giỏi để truyền nghề trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

i) Hướng dẫn, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tham gia hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ thường niên để quảng bá, xúc tiến thương mại và tôn vinh các thợ giỏi, thợ tay nghề cao.

k) Hàng năm, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình khuyến công và xúc tiến thương mại nhằm hỗ trợ các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

b) Triển khai thực hiện phương án phát triển các Cụm công nghiệp để di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, làng nghề

theo quy định. Tổ chức thực hiện hoạt động phát triển cụm công nghiệp, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả hoạt động của các làng nghề, nghề truyền thống hoạt động trong Cụm công nghiệp của tỉnh.

c) Ứng dụng máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp nông thôn từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương hàng năm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất công nghiệp đối với các cơ sở sản xuất tại làng nghề; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất đưa các sản phẩm lên hệ thống phân phối, trung tâm thương mại, siêu thị, điểm du lịch, kênh thương mại điện tử.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và các cơ quan liên quan xây dựng, hoàn thiện, kết nối và chia sẻ hệ thống cơ sở dữ liệu về thị trường tiêu thụ, diễn biến giá các mặt hàng nông sản ở thị trường trong nước và quốc tế, tình hình xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, cơ chế, chính sách quản lý các mặt hàng nông sản của các nước nhập khẩu, thông tin liên quan về doanh nghiệp nông nghiệp.

đ) Mở rộng hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ về thiết kế mẫu mã, chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, hoàn thiện chính sách, quy định, hướng dẫn phong tặng nghệ nhân, thợ giỏi trong lĩnh vực công nghiệp nông thôn, ngành nghề nông thôn và làng nghề.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Y tế hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong sản xuất, hệ thống truy xuất nguồn gốc, hệ thống mã số, mã vạch, nhãn hiệu cho các sản phẩm, hàng hóa sản xuất tại các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề.

b) Triển khai và bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực phát triển nghề, làng nghề; hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp dưới dạng nhãn hiệu đối với các sản phẩm ngành nghề nông thôn và làng nghề; hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu đối với các sản phẩm làng nghề (kinh phí hỗ trợ theo chương trình của Sở Khoa học và Công nghệ);

c) Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hiệp hội xây dựng các trung tâm sáng tạo, chương trình khởi nghiệp của hoạt động ngành nghề nông thôn; Ứng dụng máy móc, thiết bị công nghệ và hỗ trợ cải tạo, nâng cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn.

d) Đào tạo nâng cao tay nghề; bổ sung các kiến thức về khoa học công nghệ, quy trình sản xuất, công nghệ thông tin, thiết kế, đổi mới mẫu mã sản phẩm cho người lao động. Ưu tiên đào tạo lao động tại doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, vùng nguyên liệu tập trung, cụm công nghiệp.

đ) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý và tổ chức khoa học công nghệ, các nhà khoa học nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, phù hợp cho các làng nghề và cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hỗ trợ các thủ tục liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các cơ sở ngành nghề nông thôn và lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cơ sở ngành nghề nông thôn là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề; kiên quyết di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào các cụm công nghiệp theo quy định.

c) Khuyến khích sử dụng nguyên liệu tái tạo, thân thiện môi trường và tận dụng các phế phụ phẩm của nguyên liệu làm đầu vào cho các sản phẩm khác.

d) Rà soát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách về đất đai, bảo vệ môi trường;

đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường triển khai, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường sản xuất ngành nghề nông thôn và làng nghề.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Đồng chủ trì với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể tham gia sản phẩm dịch vụ sinh thái cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

b) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng mô hình phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái mang tính đặc trưng và kết nối các hoạt động gắn với làng nghề, nghề truyền thống.

c) Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá cho sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn, làng nghề truyền thống tại các diễn đàn, hội chợ, hoạt động xúc tiến du lịch trong và ngoài nước. Lồng ghép các hoạt động xúc tiến du lịch gắn với tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm nghề truyền thống.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đánh giá chỉ tiêu sản phẩm nghề truyền thống mang bản sắc văn hóa dân tộc.

đ) Hướng dẫn tổ chức lễ hội truyền thống, Festival giới thiệu những nét đặc sắc văn hoá của sản phẩm làng nghề; sưu tầm, lưu giữ và tổ chức trưng bày các tác phẩm tiêu biểu, đặc sắc của các nghệ nhân, thợ giỏi, nghệ nhân tiêu biểu.

6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách hiện hành; trong đó, chú trọng đào tạo nghề cho lao động ở các làng nghề, hợp tác xã, tổ hợp tác. Hướng dẫn, đôn đốc cấp huyện tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn ở địa phương.

b) Xây dựng mô hình liên kết đào tạo giữa các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất giữa các vùng miền trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang các hoạt động ngành nghề nông thôn.

d) Duy trì và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi, tạo nòng cốt thúc đẩy công tác đào tạo, truyền nghề, thực hành nghề thủ công truyền thống, lan tỏa các giá trị của di sản văn hóa nghề truyền thống trong cộng đồng, đặc biệt đối với thế hệ trẻ; bảo tồn, phát triển kỹ năng nghề truyền thống, sáng tạo thêm nhiều sản phẩm, tác phẩm mới có giá trị.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn về đào tạo nghề cho lao động nông thôn hỗ trợ nghệ nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo, truyền nghề.

7. Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở ngành liên quan và địa phương tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch và tổ chức điều tra thống kê số lượng, tình hình phát triển của các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh 05 năm/lần.

8. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ vào khả năng ngân sách tỉnh hàng năm cân đối, bố trí kinh phí cho các đơn vị thực hiện kế hoạch này theo phân cấp ngân sách nhà nước.

9. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai

Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai chỉ đạo ngân hàng nông nghiệp và các ngân hàng thương mại tạo điều kiện cho các cơ sở ngành nghề nông thôn vay vốn, khuyến khích các tổ chức tín dụng đẩy mạnh cho vay đối với lĩnh vực ngành nghề nông thôn. Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về vốn, tín dụng cho các cơ sở ngành nghề nông thôn hướng đến các nguồn vốn trung và dài hạn để đầu tư đổi mới công nghệ, nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới. Đồng thời, đơn giản hóa các thủ tục vay vốn để tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn ưu đãi cho các cơ sở ngành nghề nông thôn và làng nghề.

10. Hội Nông dân tỉnh

Tuyên truyền các cơ chế chính sách về phát triển ngành nghề nông thôn và phối hợp với các địa phương, các ngành liên quan xây dựng củng cố các mô hình phát triển ngành nghề nông thôn.

11. Liên Minh Hợp tác xã tỉnh

a) Tuyên truyền vận động các đơn vị kinh tế tập thể thực hiện xây dựng phát triển ngành nghề nông thôn. Phối hợp các địa phương và Hội Nông dân vận động thành lập các hình thức kinh tế tập thể, tham gia xây dựng và củng cố các hợp tác xã, dịch vụ phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp cung cấp thông tin cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh sách và tình hình hoạt động của các Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, Hợp tác xã dịch vụ có liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn.

12. Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh-Truyền hình Đồng Nai

a) Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của phát triển ngành nghề nông thôn trong phát triển kinh tế-xã hội.

b) Đa dạng hình thức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội cho cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

c) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp bằng nhiều hình thức đến người dân và các thành phần kinh tế trên địa bàn.

d) Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các chuyên đề, tọa đàm... về thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

13. Đề nghị các hội, hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội

a) Các hội, hiệp hội nghề nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ thực hiện các nội dung của Chiến lược; tích cực tổ chức thực hiện các nội dung được phân công nhằm bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn.

b) Phát huy vai trò các Hiệp hội nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan chức năng trong đàm phán, mở cửa thị trường; giải quyết và tháo gỡ hàng rào kỹ thuật, các tranh chấp pháp lý quốc tế.

c) Nâng cao vị thế, vai trò của Hiệp hội trong tiếp nhận, triển khai, phản biện, xây dựng và thực thi chính sách của Nhà nước.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn, làng nghề; kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và

thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề.

b) Tăng cường rà soát tình hình hoạt động nghề, làng nghề; lập hồ sơ đề nghị công nhận những nghề truyền thống, làng nghề đủ điều kiện; hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể sản xuất ngành nghề, làng nghề tiếp cận cơ chế, chính sách góp phần thúc đẩy phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống tại địa phương; hướng dẫn các chủ thể sản xuất tại làng nghề chủ động xây dựng hồ sơ tham gia chương trình OCOP.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở ngành có liên quan thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn.

d) Xây dựng kế hoạch, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và kế hoạch kinh phí hàng năm tại địa phương; chủ động bố trí các nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án và nguồn hỗ trợ hợp pháp khác để lồng ghép thực hiện đạt hiệu quả Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương.

15. Thực hiện chế độ báo cáo

Hàng năm, các sở, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể của đơn vị về Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối giải ngân nguồn kinh phí thực hiện. Đồng thời, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/11) hoặc đột xuất gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị thực hiện (Mục V);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Hội, hiệp hội nghề nghiệp, các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các Báo, đài của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/Khnganhnghenthon/10.01-1014)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi